

Bất đồng trong hôn nhân ở Việt Nam hiện nay

Vũ Thị Thanh

Viện Nghiên cứu Con người

Tóm tắt: Dựa trên kết quả khảo sát định lượng của Đề tài cấp Bộ trọng điểm “Những đặc điểm cơ bản của hôn nhân ở Việt Nam hiện nay và những yếu tố ảnh hưởng”, bài viết phân tích các loại hình bất đồng và cách thức giải quyết bất đồng trong hôn nhân ở Việt Nam hiện nay. Kết quả nghiên cứu cho thấy, trong đời sống hôn nhân các bất đồng của người vợ và người chồng thường liên quan đến sự khác biệt hoặc không phù hợp về suy nghĩ, lối sống, tính cách, thói quen; chăm sóc giáo dục con cái và vấn đề về kinh tế. Nhìn chung, phụ nữ có xu hướng phản ánh về bất đồng nhiều hơn so với nam giới. Cả nam và nữ đều có những cách thức khác nhau trong việc giải quyết bất đồng nhưng nhìn chung, những cách thức giải quyết bất đồng thường hướng tới việc duy trì sự bền vững cho mối quan hệ hôn nhân⁽¹⁾.

Từ khóa: Hôn nhân; Quan hệ giữa vợ và chồng; Bất đồng giữa vợ và chồng; Sự hài lòng về hôn nhân.

Ngày nhận bài: 15/12/2017; ngày chỉnh sửa: 15/1/2018; ngày duyệt đăng: 12/2/2018.

1. Giới thiệu

Bất đồng, xung đột trong hôn nhân là một hướng nghiên cứu rất được quan tâm bởi các học giả trên thế giới. Coleman (1984) định nghĩa xung đột hôn nhân là sự bất đồng giữa hai vợ chồng do sự không phù hợp với

nhau về các nhu cầu, mục tiêu và kỳ vọng. Xung đột trong hôn nhân gây ra những ảnh hưởng xấu về tâm lý, sức khỏe của vợ, chồng và tác động tiêu cực đến cả sự phát triển của con cái (Kluwer, Johnson, 2007). Tuy nhiên, theo Coleman (1984), xung đột cũng có những tác động tích cực bởi nó giúp vợ chồng hiểu nhau, hiểu về mối quan hệ của mình và có thể giúp tránh được những xung đột trong tương lai. Một số nguyên nhân thường dẫn đến sự mâu thuẫn giữa vợ và chồng bao gồm sự căng thẳng về tiền bạc và kinh tế, sự chuyển đổi sang vai trò làm cha mẹ, sự khác biệt về tính cách, sự phân công lao động trong gia đình, việc dành thời gian, tình cảm cho nhau và những vấn đề liên quan đến chăm sóc, dạy bảo con (xem Lindsay, 1996; Mackey và O'Brien, 1995).

Bất đồng, xung đột cũng là một chủ đề sớm được quan tâm trong các nghiên cứu xã hội về hôn nhân, gia đình ở Việt Nam. Bất đồng trong hôn nhân ở Việt Nam thường liên quan đến sự khác biệt về lối sống, chăm sóc giáo dục con cái, mối quan hệ với gia đình hai bên và các vấn đề về kinh tế (Bộ Văn hóa Thể Thao và Du lịch và các cơ quan khác, 2008; Nguyễn Minh Hòa, 2000). Theo Vũ Tuấn Huy (2003), các yếu tố ảnh hưởng đến xung đột của vợ chồng ở Việt Nam bao gồm đặc điểm nguồn lực, mức độ người vợ, người chồng tham gia thực hiện công việc nội trợ và những kỳ vọng về vai trò giới.

Dựa trên kết quả khảo sát định lượng của Đề tài cấp Bộ trọng điểm *“Những đặc điểm cơ bản của hôn nhân ở Việt Nam hiện nay và những yếu tố ảnh hưởng”* do Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới tiến hành năm 2017, được thực hiện trên 1819 trường hợp ở 7 tỉnh, thành là Hà Nội, Yên Bái, Nam Định, Thừa Thiên-Huế, Đắk Lắk, Cần Thơ và thành phố Hồ Chí Minh, bài viết tập trung phân tích các loại bất đồng xảy ra trong đời sống hôn nhân trong vòng một hai năm gần đây và cách thức mà người vợ, người chồng ở Việt Nam giải quyết bất đồng của họ. Các nghiên cứu trên thế giới cho thấy có sự khác biệt về chất lượng hôn nhân, sự hài lòng trong hôn nhân và cách thức giải quyết bất đồng trong hôn nhân giữa nam và nữ (xem Amato và cộng sự, 2007; Kok-mun và cộng sự, 2009; Kurdek, 2005; Mackey và O'Brient, 1995). Vì vậy, trong bài viết này, chúng tôi cũng xem xét ảnh hưởng của yếu tố giới tính trong việc phản ánh các loại hình bất đồng và cách thức giải quyết bất đồng trong hôn nhân ở Việt Nam.

2. Các bất đồng trong đời sống hôn nhân

Các bất đồng trong hôn nhân phản ánh ở nghiên cứu này có thể được tạm chia thành bốn nhóm. Nhóm thứ nhất là những bất đồng nảy sinh do chính mối quan hệ giữa hai vợ chồng với nhau, bao gồm sự không phù hợp về lối sống, suy nghĩ, tính cách của bản thân hai người và vấn đề về tình cảm giữa hai vợ chồng. Nhóm thứ hai là những bất đồng về đời sống kinh

Bảng 1. Mức độ diễn ra các bất đồng/không vừa ý về xử sự của vợ/chồng trong vòng 1-2 năm qua (%)

Những vấn đề gây bất đồng	Không lần nào	Hiếm khi	Thỉnh thoảng	Khá thường xuyên
Sản xuất, kinh doanh của gia đình	58,8	19,8	20,1	1,4
Chi tiêu, kinh tế khác của gia đình	60,2	21,3	17,1	1,4
Nuôi, dạy, lo lắng cho con cái	60,1	20,0	17,3	2,6
Chăm sóc, đối xử cha mẹ, gia đình hai bên	78,3	15,5	5,3	1,0
Đối xử với bạn bè, khách khứa	74,6	16,8	7,8	0,7
Đời sống tình cảm vợ chồng	60,4	22,2	15,1	2,3
Suy nghĩ, lối sống, thói quen không phù hợp của mỗi người	50,3	24,1	21,4	4,2

tế, bao gồm việc làm ăn, kiếm sống và quản lý tiền bạc. Nhóm thứ ba là bất đồng liên quan đến việc xử lý các mối quan hệ và cách ứng xử với người khác, ví dụ như với cha mẹ, bạn bè. Cuối cùng là bất đồng về việc chăm sóc, giáo dục con cái.

Theo kết quả khảo sát, vợ chồng ở Việt Nam hiện nay thường đối mặt với những bất đồng về suy nghĩ, lối sống, thói quen của vợ/chồng mình. Tần suất của những bất đồng về khía cạnh này diễn ra ở mức “Khá thường xuyên” là 4,2% trong khi tỷ lệ này của các loại bất đồng khác đều chỉ khoảng trên dưới 2%. Tỷ lệ người trả lời “Không bao giờ” gặp phải loại bất đồng này là 50,3% - thấp hơn nhiều so với tỷ lệ của các loại bất đồng khác. Trong khi đó, loại bất đồng mà người trả lời ít gặp phải nhất là vấn đề liên quan đến mối quan hệ với bạn bè và gia đình hai bên. Tỷ lệ “Không lần nào” gặp phải bất đồng với vợ/chồng về vấn đề chăm sóc, đối xử với cha mẹ, gia đình hai bên là 78,3% và với bạn bè là 74,6% (Bảng 1).

Phân tích số liệu cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa về mặt thống kê giữa nam và nữ khi phản ánh về những điều gây bất đồng trong hôn nhân (ngoại trừ bất đồng về quan hệ với bạn bè). Tỷ lệ phụ nữ gặp phải bất đồng về hầu hết các vấn đề đều cao hơn so với tỷ lệ của nam giới. Điều này cũng tương đồng với kết quả nghiên cứu ở Mỹ của Amato và các cộng sự (2007) cho thấy nữ giới phản ánh có xung đột trong hôn nhân nhiều hơn so với nam giới. Bảng 2 cho thấy tỷ lệ nữ giới trải qua các bất đồng với người bạn đời về hầu hết các vấn đề ở mức “Thỉnh thoảng” hoặc “Khá thường xuyên” đều cao hơn hẳn so với nam giới.

Có thể có những nguyên nhân khác nhau dẫn đến việc phụ nữ Việt Nam thấy có nhiều bất đồng với người bạn đời của mình hơn so với nam giới. Thứ nhất, về các vấn đề kinh tế, phụ nữ Việt Nam từ trong các xã hội truyền thống đến nay vẫn được ví như “tay hòm chìa khóa” của gia đình. Các nghiên cứu ở Việt Nam đã chỉ ra rằng phụ nữ thường là người giữ tiền

Bảng 2. Tương quan giữa giới tính và mức độ phổ biến của bất đồng ở cả hai mức “Thình thoảng” và “Khá thường xuyên”

Những vấn đề gây bất đồng	Nam		Nữ		Mức ý nghĩa thống kê
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	
Vấn đề sản xuất, kinh doanh của gia đình	116	17,4	185	25,0	**
Vấn đề chi tiêu, kinh tế khác của gia đình	145	16,6	191	20,3	**
Vấn đề nuôi, dạy, lo lắng cho con cái	130	15,6	217	23,9	***
Vấn đề chăm sóc, đối xử cha mẹ, gia đình hai bên	38	4,4	73	7,9	*
Vấn đề đời sống tình cảm vợ chồng	139	15,9	177	18,9	**
Vấn đề suy nghĩ, lối sống, thói quen không phù hợp của mỗi người	181	20,8	283	30,1	***

Ghi chú: Mức ý nghĩa thống kê * $p < 0,05$; ** $p < 0,01$; *** $p < 0,001$.

trong gia đình (xem Knodel và các cộng sự, 2005; Terrawichtchainan và các cộng sự, 2010; Vũ Thị Thanh, 2009) bởi họ chịu trách nhiệm với việc chi tiêu cho sinh hoạt hàng ngày. Theo Nyman (1999), giữ tiền trở thành gánh nặng cho phụ nữ bởi họ phải suy nghĩ, lo lắng về nhu cầu của gia đình và khả năng chi trả đáp ứng các nhu cầu đó. Có lẽ do phải đối mặt với những tính toán, lo toan cho việc chi tiêu của gia đình nhiều hơn nên phụ nữ cũng dễ đối mặt với những bất đồng về vấn đề này hơn so với nam giới. Số liệu ở Bảng 2 cho thấy tỷ lệ phụ nữ gặp phải những bất đồng với chồng mình về vấn đề sản xuất, kinh doanh là 25% và về vấn đề chi tiêu, kinh tế của gia đình là 20,3%. Trong khi đó, tỷ lệ nam giới gặp phải bất đồng với người bạn đời về vấn đề sản xuất kinh doanh của gia đình và vấn đề chi tiêu, kinh tế khác của gia đình chỉ lần lượt là 17,4% và 16,6%.

Thứ hai, đối với những bất đồng của hai vợ chồng về vấn đề liên quan đến người khác (ví dụ như con cái và cha mẹ hai bên), tỷ lệ phản ánh có sự bất đồng của phụ nữ cũng cao hơn so với của nam giới. Tương tự như việc giữ tiền trong gia đình, phụ nữ ở Việt Nam thường đảm nhận các công việc nuôi dạy, chăm sóc con cái nhiều hơn so với nam giới (xem Knodel và các cộng sự, 2005; Terrawichtchainan và các cộng sự, 2010; Vũ Thị Thanh, 2009). Một số học giả cho rằng do phụ nữ đảm trách nhiều công việc gia đình khiến cho sự hài lòng trong đời sống hôn nhân của họ bị giảm sút (Kok-moon và cộng sự, 2009). Bảng 2 cho thấy mức độ phụ nữ có bất đồng với chồng trong vấn đề nuôi dạy, lo lắng cho con cái là 23,9% trong khi tỷ lệ này của nam giới chỉ là 15,6%.

Về vấn đề chăm sóc, đối xử với cha mẹ, gia đình hai bên, phụ nữ dường như cũng trải qua bất đồng với người bạn đời về vấn đề này nhiều hơn so với nam giới (tỷ lệ của nữ giới là 7,9% và của nam giới là 4,4%). Trong xã hội truyền thống ở Việt Nam, người con gái thường được xem là “con người ta” bởi phụ nữ được cho rằng sẽ lấy chồng và trở thành thành viên

của gia đình chồng (Trần Đình Hượu, 1991). Với vai trò là người con dâu, người phụ nữ phải gánh trách nhiệm chăm lo cho gia đình chồng và tạo lập tốt các mối quan hệ với gia đình của chồng (Nguyễn Thị Văn Anh, Lê Ngọc Văn, 2005; Phạm Văn Bích, 1999). Người phụ nữ thường được giáo dục và được kỳ vọng sẽ tuân theo nề nếp của nhà chồng và cân bằng được các mối quan hệ với bên chồng (Nguyễn Thị Văn Anh, Lê Ngọc Văn, 2005; Trần Đình Hượu, 1991). Những giá trị, chuẩn mực mang tính gia trưởng kỳ vọng và đòi hỏi nhiều về trách nhiệm của người phụ nữ đối với gia đình chồng trên vị thế là một người con dâu có thể khiến phụ nữ đối mặt với nhiều trách nhiệm và áp lực. Bởi vậy, phụ nữ dễ gặp phải những bất đồng trong việc đối xử cha mẹ, gia đình hai bên gia đình nhiều hơn so với nam giới.

Thứ ba, về những bất đồng liên quan đến mối quan hệ giữa hai vợ chồng, mức độ người phụ nữ trải qua các bất đồng về đời sống tình cảm vợ chồng và về suy nghĩ, lối sống, thói quen không phù hợp của mỗi người đều cao hơn so với nam giới. Theo kết quả khảo sát, tỷ lệ nữ giới trải qua những bất đồng về suy nghĩ, lối sống, thói quen không phù hợp của mỗi người ở cả hai mức “Thỉnh thoảng” và “Khá thường xuyên” là 30,1% trong khi tỷ lệ này của nam giới chỉ là 20,8%. Mỗi cá nhân bước vào cuộc hôn nhân cùng với những tính cách, suy nghĩ, lối sống của riêng mình đã được hình thành trong một thời gian dài. Sự khác biệt và không phù hợp về suy nghĩ, lối sống, thói quen có thể dẫn đến những điều bất đồng và không hài lòng. Một số nghiên cứu cho thấy nam giới sau khi kết hôn có xu hướng duy trì lối sống, thói quen, sở thích của cá nhân mình trong khi phụ nữ phải thay đổi nhiều hơn để thích ứng với người chồng và duy trì sự hòa thuận giữa hai vợ chồng (xem Martin và Mahoney, 1999, Thanh Thi Vu, 2015). Việc người đàn ông ít có sự điều chỉnh lối sống, thói quen sau khi kết hôn để phù hợp với đời sống hôn nhân có lẽ đã dẫn đến việc gia tăng sự bất đồng của người phụ nữ về vấn đề này.

Đối với những bất đồng về đời sống tình cảm, tỷ lệ phụ nữ gặp phải những bất đồng này ở cả hai mức “Thỉnh thoảng” và “Khá thường xuyên” là 18,9% trong khi tỷ lệ này của nam chỉ là 15,9%. Nhìn chung, phụ nữ thường có xu hướng không hài lòng về cách thể hiện tình cảm, sự quan tâm đối với người bạn đời nhiều hơn so với nam giới. Một số học giả cho rằng phụ nữ thường đặt nhiều kỳ vọng vào sự gần gũi và hỗ trợ tình cảm giữa hai vợ chồng trong khi điều này khó có thể được đáp ứng bởi người chồng (Bernard, 1976, trích theo Shek, 1995). Nam giới thường ít có xu hướng thể hiện tình cảm, ít chú trọng đến việc tăng cường các hoạt động để gắn kết hai vợ chồng (Horchschild, 1983; Lindsay, 1996) và điều này đôi khi gây ra sự thất vọng cho người vợ (Huston, 2009). Phụ nữ thường tham gia nhiều hơn vào việc quan tâm, chăm sóc người bạn đời và họ cũng

kỳ vọng nhận được sự quan tâm, chăm sóc từ người chồng. Việc không được thỏa mãn những kỳ vọng về tình cảm có thể khiến phụ nữ cảm thấy bất đồng hoặc không hài lòng với người bạn đời.

3. Cách giải quyết bất đồng

Cách thức giải quyết bất đồng được cho rằng có ảnh hưởng nhiều đến hôn nhân hơn là bản thân sự bất đồng (Schwarzwald và các cộng sự, 2008). Một số nghiên cứu trên thế giới chỉ ra có hai xu hướng giải quyết bất đồng trong hôn nhân. Xu hướng thứ nhất là lảng tránh (avoidance) - đó là việc từ chối hoặc tránh thảo luận trực tiếp về những bất đồng, ví dụ như im lặng, bỏ đi nơi khác hoặc cứ để cho mọi chuyện tự qua đi. Xu hướng thứ hai là đối mặt (confrontation) - đó là việc cố gắng thể hiện suy nghĩ và cảm xúc liên quan đến bất đồng một cách trực tiếp với vợ/chồng, ví dụ như trao đổi, tranh luận, cãi nhau (Mackey và O'Brien, 1995). Trong những phân tích về cách thức giải quyết bất đồng dưới đây, chúng tôi cũng xem xét các cách giải quyết bất đồng theo hai hướng là đối mặt và lảng tránh.

Kết quả nghiên cứu cho thấy khi có mâu thuẫn xảy ra, những cách thức giải quyết mâu thuẫn của vợ, chồng hiện nay thường mang tính đối mặt một cách tích cực, ví dụ như cùng nhau bàn bạc tìm cách giải quyết. Sự lựa chọn cách giải quyết mâu thuẫn bằng việc "Cùng nhau bàn bạc tìm cách giải quyết" chiếm tỷ lệ khá cao. Có tới 1021 trường hợp (chiếm 56,2%) cho biết giải quyết này là "Hầu như là đúng" và 585 trường hợp (chiếm 32,2%) cho biết cách giải quyết này là "Tương đối đúng" so với cách giải quyết mâu thuẫn của họ trên thực tế.

Ngược lại, xu hướng đối mặt mang tính tiêu cực - đó là "Vợ/chồng tôi thường to tiếng với nhau khi có điều gì đó không đồng ý" có tỷ lệ lựa chọn khá ít, chỉ có 50 trường hợp (chiếm 2,8%) đánh giá ở mức "Hầu như là đúng" và 192 trường hợp (chiếm 10,6%) đánh giá ở mức "Tương đối đúng". Phần lớn người trả lời cho biết giải quyết mâu thuẫn bằng cách này không đúng với vợ/chồng họ.

Giải quyết bất đồng bằng cách không đối mặt/lảng tránh, ví dụ như "Cho qua, để mọi chuyện lắng xuống tự nhiên" cũng được lựa chọn bởi khoảng một nửa số người trả lời. Cụ thể, có 25,4% cho biết cách giải quyết này là "Hầu như là đúng" và 26,6% cho biết cách giải quyết này "Tương đối đúng" đối với cách giải quyết mâu thuẫn của họ trên thực tế.

Ngoài ra, một cách thức lảng tránh khác được người trả lời lựa chọn ít hơn là lặng lẽ chịu đựng. Chỉ có 218 trường hợp (chiếm 12,0%) lựa chọn mức "Hầu như là đúng" và có 369 trường hợp (chiếm 20,3%) lựa chọn mức "Tương đối đúng" đối với phương án "Khi có gì đó không đồng ý với vợ/chồng, tôi lặng lẽ chịu đựng".

Bảng 3. Cách giải quyết các bất đồng

Cách giải quyết bất đồng	Đánh giá về mức độ đúng với cách giải quyết trên thực tế					N
	Hầu như là đúng	Tương đối đúng	Nửa đúng, nửa sai	Phần lớn là không đúng	Hầu như là không đúng	
Khi có chuyện gì đó xảy ra, chúng tôi thường cùng nhau bàn bạc tìm cách giải quyết	56,2	32,2	8,4	2,4	0,9	1817
Vợ/chồng tôi thường to tiếng với nhau khi có điều gì đó không đồng ý/ không hài lòng	2,8	10,6	21,5	24,4	40,7	1814
Khi có gì đó không đồng ý với vợ/chồng, tôi lặng lẽ chịu đựng	12,1	20,4	27,2	18,2	22,2	1809
Khi mâu thuẫn xảy ra, chúng tôi thường cho qua, để mọi chuyện lắng xuống tự nhiên	25,5	26,7	29,6	9,8	8,5	1812

Ghi chú: Mức ý nghĩa thống kê * $p < 0,05$; ** $p < 0,01$; *** $p < 0,001$.

Nghiên cứu ở Mỹ của Mackey và O'Brien (1995) cho thấy nam giới có xu hướng sử dụng các cách thức lảng tránh trong khi nữ giới có xu hướng sử dụng các cách thức đối mặt khi có mâu thuẫn trong hôn nhân. Trong nghiên cứu này, chúng tôi thấy có sự khác biệt giữa nam và nữ trong việc lựa chọn cách giải quyết khi có mâu thuẫn. Tỷ lệ nam giới cho biết vợ chồng họ giải quyết mâu thuẫn bằng cách đối mặt tích cực cao hơn so với tỷ lệ của nữ giới. Theo kết quả nghiên cứu, tỷ lệ nam giới tán đồng với phương án "Khi có chuyện gì đó xảy ra, chúng tôi thường cùng nhau bàn bạc tìm cách giải quyết" ở mức "Hầu như là đúng" là 60,7% và ở mức "Tương đối đúng" là 31,7%. Trong khi đó, tỷ lệ lựa chọn phương án này của phụ nữ ở mức "Hầu như là đúng" và "Tương đối đúng" chỉ lần lượt là 52% và 32,7%. Ngược lại, nữ giới cho biết vợ chồng họ có cách giải quyết mâu thuẫn bằng cách đối mặt mang tính tiêu cực lại nhiều hơn nam giới, thể hiện ở tỷ lệ lựa chọn "Vợ/chồng tôi thường to tiếng với nhau khi có điều gì đó không đồng ý/ không hài lòng" ở mức hầu như là đúng của nữ là 3,6%, cao gấp đôi so với tỷ lệ của nam là 1,8%.

Về xu hướng giải quyết mâu thuẫn bằng cách lảng tránh, nghiên cứu này cho thấy không có sự khác biệt có ý nghĩa về mặt thống kê giữa nam và nữ trong việc lựa chọn phương án "Khi mâu thuẫn xảy ra, chúng tôi thường cho qua, để mọi chuyện lắng xuống tự nhiên" ($P > 0.05$). Tuy nhiên, tỷ lệ phụ nữ giải quyết mâu thuẫn mang tính lảng tránh "lặng lẽ chịu đựng" cao hơn hẳn so với nam giới. Cụ thể, tỷ lệ tán đồng với phương án "Khi có gì đó không đồng ý với vợ/chồng, tôi lặng lẽ chịu đựng" ở mức "Hầu như là đúng" và "Tương đối đúng" của nữ giới lần lượt là 14,5% và

Bảng 4. Tương quan giữa giới tính và xu hướng đối mặt khi có mâu thuẫn (%)

Cách giải quyết mâu thuẫn	Giới tính	Mức độ đúng với các giải quyết trên thực tế					N	Mức ý nghĩa thống kê
		Hầu như là đúng	Tương đối đúng	Nửa đúng, nửa sai	Phần lớn là không đúng	Hầu như là không đúng		
- Khi có chuyện gì đó xảy ra, chúng tôi thường cùng nhau bàn bạc tìm cách giải quyết	Nam	60,7	31,7	5,7	1,4	0,6	872	***
	Nữ	52,1	32,7	10,8	3,3	1,2	945	
- Vợ/chồng tôi thường to tiếng với nhau khi có điều gì đó không đồng ý/ không hài lòng	Nam	1,8	10,2	19,9	24,4	43,6	869	*
	Nữ	3,6	10,9	23,1	24,4	38,1	945	

Ghi chú: Mức ý nghĩa thống kê * $p < 0,05$; ** $p < 0,01$; *** $p < 0,001$.

21,6%, trong khi những tỷ lệ này của nam giới chỉ lần lượt là 9,4% và 19,1%. Điều này có lẽ ảnh hưởng bởi những giá trị truyền thống kỳ vọng đối với phụ nữ về đức tính biết chịu đựng. Người Việt Nam có câu: “Chồng nóng thì vợ bớt lời, cơm sôi nhỏ lửa không đời nào khê”. Phụ nữ thường được ví như người giữ lửa ấm trong gia đình và họ có xu hướng nhẫn nại, chịu đựng để gìn giữ sự yên ấm cho gia đình.

4. Kết luận

Bất đồng dường như là điều khó tránh khỏi trong hôn nhân. Hầu hết những người tham gia nghiên cứu này cho biết họ có trải qua các loại bất đồng với vợ, chồng của mình ở các mức độ khác nhau. Loại bất đồng phổ biến nhất trong hôn nhân thường liên quan đến sự khác biệt hoặc không phù hợp giữa hai vợ chồng về suy nghĩ, lối sống, thói quen, tính cách; chăm sóc giáo dục con cái và các vấn đề về kinh tế. Điều này cũng tương đồng với các kết quả trong một số nghiên cứu khác quan tâm đến bất đồng, mâu thuẫn trong hôn nhân ở Việt Nam (ví dụ như Nguyễn Minh Hòa, 2000; Vũ Tuấn Huy, 2003). Những hành vi, ứng xử liên quan đến lối sống, thói quen cũng là nguyên nhân khiến người trả lời thấy bất đồng nhất hoặc không hài lòng nhất với vợ/chồng của mình.

Nhìn chung, phụ nữ dường như trải qua các bất đồng và không hài lòng với người bạn đời của mình nhiều hơn so với nam giới trên hầu hết các khía cạnh của đời sống hôn nhân, ví dụ như trong lĩnh vực kinh tế (làm ăn, kiếm sống và quản lý tiền bạc), chăm sóc giáo dục con cái, ứng xử với gia đình hai bên và trong mối quan hệ giữa chính bản thân hai người liên quan đến tình cảm, tính cách và lối sống. Điều này cũng phù hợp với các kết

qua nghiên cứu khác trên thế giới cho thấy chất lượng hôn nhân của phụ nữ thấp hơn so với của nam giới thể hiện ở việc phụ nữ hài lòng với đời sống hôn nhân ít hơn so với nam giới (xem Allendorf và Ghimire, 2013; Bulanda, 2011; Halpern-Meekin, Tach, 2013).

Về cách giải quyết xung đột, kết quả nghiên cứu cho thấy nhìn chung vợ chồng hiện nay thường có cách giải quyết đối mặt một cách khá tích cực, ví dụ như cùng nhau bàn bạc tìm cách giải quyết mâu thuẫn. Trong khi đó, họ ít có cách hình thức đối mặt mang tính tiêu cực như to tiếng với nhau. Một số cách thức lảng tránh khi giải quyết mâu thuẫn, ví dụ như để mọi chuyện lắng xuống tự nhiên, cũng được khá nhiều người lựa chọn khi đề cập tới cách giải quyết mâu thuẫn của vợ chồng họ.

Tương đồng với một số nghiên cứu khác, nghiên cứu của chúng tôi cho thấy có sự khác biệt giữa nam và nữ khi đề cập tới cách thức giải quyết mâu thuẫn. Tuy nhiên, không có một xu hướng giải quyết bất đồng nào (đối mặt hoặc lảng tránh) đặc trưng riêng cho mỗi giới như ở trong một số nghiên cứu trên thế giới (ví dụ như của Mackey và O'Brien, 1995). Nam giới và phụ nữ ở Việt Nam giải quyết bất đồng thông qua đối mặt hoặc lảng tránh bằng những cách thức khác nhau. Nam giới thường có xu hướng phản ánh những cách đối mặt mang tính tích cực (ví dụ như cùng nhau bàn bạc giải quyết) nhiều hơn so với nữ giới. Ngược lại, nữ giới phản ánh những cách đối mặt tiêu cực (ví dụ như to tiếng với nhau) cao hơn so với nam giới. Bên cạnh đó, có một số cách giải quyết mâu thuẫn mang tính lảng tránh phổ biến hơn đối với nữ giới - đó là "lặng lẽ chịu đựng". Sự lặng lẽ chịu đựng của phụ nữ có lẽ do chịu ảnh hưởng bởi những chuẩn mực xã hội coi người phụ nữ có vai trò như người giữ ngọn lửa ấm cho gia đình. "Chồng nóng thì vợ bớt lời" - những câu ngạn ngữ đó đã cho thấy sự kỳ vọng đối với phụ nữ về việc cần nín nhịn để giữ hòa khí cho gia đình. Điều này không chỉ thấy ở xã hội Việt Nam mà còn ở nhiều nước khác. Một số nghiên cứu trên thế giới cũng chỉ ra rằng phụ nữ thường có xu hướng đặt nhu cầu, lợi ích của mình xuống sau, họ không muốn chống đối lại chồng và cố gắng để người chồng không bức mình hay thất vọng (Jamieson, 1998; Martin and Mahoney, 2009).

Như vậy, mặc dù bất đồng là điều khó tránh khỏi trong hôn nhân nhưng những cách thức phổ biến trong giải quyết bất đồng của những người vợ, người chồng ở Việt Nam hiện nay (dù là đối mặt bằng cách nhẹ nhàng góp ý cho nhau hay lảng tránh bằng việc lặng lẽ chịu đựng) đều có xu hướng hướng tới việc hạn chế sự căng thẳng giữa hai vợ chồng khi có bất đồng. Bởi thế, trong khi nhiều quốc gia ở phương Tây đang phải đối mặt với sự suy giảm của hôn nhân một phần do có sự gia tăng đổ vỡ của các cuộc hôn nhân (xem Amato và các cộng sự, 2007; Lindsay, Deborah Dempsey, 2009) nhưng đối với trường hợp Việt Nam, tương đồng với một số kết quả

nghiên cứu khác (ví dụ như Williams, 2009; Thanh Thi Vu, 2017), chúng tôi nhận thấy rằng trong thời gian tới, hôn nhân ở Việt Nam vẫn có khả năng vẫn duy trì được sự ổn định bởi lẽ cách thức giải quyết bất đồng trong hôn nhân của vợ, chồng ở Việt Nam thường hướng tới việc duy trì sự bền vững của mối quan hệ hôn nhân.■

Chú thích

⁽¹⁾ Bài viết là sản phẩm của Đề tài cấp Bộ trọng điểm “*Những đặc điểm cơ bản của hôn nhân ở Việt Nam hiện nay và những yếu tố ảnh hưởng*” (Mã số: KHXXH-GD/16-19/02). Đề tài thuộc Chương trình “Nghiên cứu, đánh giá tổng thể về gia đình trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế” của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Tài liệu trích dẫn

- Allendorf, K., & Ghimire, D. J. 2013. “Determinants of marital quality in an arranged marriage society”. *Social Science Research*, 42, 59-70.
- Amato, P. R., Booth, A., Johnson, D. R., Rogers, S. F., 2007, “*Alone together: how marriage in America is changing*”. Harvard University Press, the United State.
- Bernard, J. 1976. “Homosociality and female depression”. *Journal of Social Issues*, 32,213-238.
- Bộ Văn hóa Thể Thao và Du lịch, Tổng cục Thống kê, Viện Gia đình và Giới, UNICEF 2008. *Kết quả điều tra gia đình Việt Nam 2006*. Hà Nội.
- Bulanda, J. R. 2011. “Gender, Marital Power, and Marital Quality in Later Life”. *Journal of Women & Aging*, 23(1), 3-22.
- Coleman, J. C. 1984. *Intimate relationships, marriage, and family*. Bobbs-Merriall Educational Publishing, Indianapolis. The United State.
- Halpern-Meehin, S., Tach, L. 2013. “Discordance in couples” reporting of courtship stages: Implications for measurement and marital quality”. *Social Science Research*, 42, 1143-1155.
- Horchschild, A. 1983. *The managed heart: Commercialisation of human feeling*. Berkeley: The university of California Press.
- Huston, T. L. 2009. “What’s love got to do with it? Why some marriages succeed and others fail”. *Personal Relationships*, 16, 301-327.
- Jamieson, L. 1998. *Intimacy: Personal relationships in modern societies*. Cambridge, Malden, MA: Polity Press.
- Kluwer, E.S. and Johnson, M.D. 2007. “Conflict frequency and relationship quality across the transition to parenthood”. *Journal of marriage and family*, 69, 5, pp. 1089-1106.
- Knodel, J., Vu Manh Loi, Jayakody, R., Vu Tuan Huy. 2005. “Gender role in the family”. *Asian Population Studies*, 1(1), 69-92.
- Kok-moon, Ng., Loy, J.T.C., Gudmunson, C.G., Cheong, W. 2009. “Gender differences in marital and life satisfaction among Chinese Malaysians”. *Sex Roles*, 60, 33-43.

- Kurdek, L.A. 2005. "Gender and marital satisfaction early in marriage: A growth curve approach". *Journal of Family and Marriage*, 67, 1, pp. 68-84.
- Lindsay, J. 1996. *Coupling up: A study of heterosexual cohabitation*. Doctor of Philosophy PhD thesis, La Trobe University, Australia.
- Lindsay, J., Dempsey, D. 2009. *Families, relationships and intimate life*. Melbourne: Oxford University Press.
- Mackey, R. A., O'Brien, B. A. 1995. *Lasting marriages: Men and women growing together*. Westport: Praeger.
- Martin, C. K., and Mahoney, A. R. 2009. "The myth of equality". In C. K. Martin and A. R. Mahoney (Eds.), *Gender equality in intimate relationships*. New York: Springer. pp. 43-61.
- Nguyễn Minh Hòa. 2000. *Hôn nhân gia đình trong xã hội hiện đại*. Nxb. Trẻ. Thành phố Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Thị Vân Anh, Lê Ngọc Văn. 2005. Nghiên cứu đặc thù gia đình Việt Nam truyền thống để xây dựng gia đình Việt Nam trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Ủy ban Dân số, Gia đình và trẻ em, Hà Nội.
- Nyman, C. 1999. "Gender equality in "the most equal country in the world"? Money and marriage in Sweden". *The Sociological Review*, 47(4), 766 -793.
- Pham Van Bich. 1999. *The Vietnamese family in change: The case of Red river delta*. Surrey: Curzon Press.
- Schwarzwald, J., Koslowsky, M., Izhak-Nir, E. B. 2008. "Gender role ideology as a moderator of the relationship between social power tactics and marital satisfaction". *Sex Roles*, 599, 657-669.
- Shek, D. L. T. 1995. "Gender differences in marital quality and well-being of Chinese married adults". *Sex Roles*, 32(11/12), 699-715.
- Terrawichtchainan, B., Knodel, J., Vu Manh Loi, Vu Tuan Huy. 2010. "The gender division of household labor in Vietnam: cohort trends and regional variations". *Journal of Comparative Family Studies*, 41(1), 57-85.
- Vũ Thị Thanh. 2009. "Bình đẳng giới giữa vợ và chồng trong gia đình nông thôn Việt Nam". *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*, Số 1 (19), 24-33.
- Thanh Thi Vu. 2015. *Marital experiences of young married couples in Vietnam*. Doctor, La Trobe University, Melbourne.
- Thanh Thi Vu. 2017. "Meaning of marriage to young people in Vietnam". *Journal of Marriage and Family Review*, <https://doi.org/10.1080/01494929.2017.1403991>.
- Tran Dinh Huou. 1991. "Traditional families in Vietnam and the influence of Confucianism". In L. Rita and Tuong Lai (Eds.), *Sociological studies on the Vietnamese family Hanoi: Social Science Publishing*, pp. 25-47.
- Vũ Tuấn Huy. 2003. *Mâu thuẫn vợ chồng trong gia đình và những yếu tố ảnh hưởng*. Nxb. Khoa học Xã hội. Hà Nội.
- Williams, L. 2009. "Attitudes towards marriage in northern Vietnam: What quality data reveal about variations across gender, generation, and geography". *Journal of Population Research*, 26(4), 285-304.